

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thúy Vân và ông Võ Văn Toàn.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 193/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Thôn HM, xã TH, huyện TP, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Bị đơn: Ông Phan Văn H, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn HM, xã TH, huyện TP, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa ngày hôm nay thì nội dung vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Phan Văn H, yêu nhau tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện TP, tỉnh Quảng Trị vào năm 2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà T ở nhà bố mẹ chồng tại thôn HM, xã TH, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Vợ chồng sống hòa thuận cho đến đầu năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là giữa hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Tháng 8 năm 2022 bà T có xảy ra mâu thuẫn với gia đình sau đó đã bỏ về nhà bố mẹ ruột của mình ở cùng thôn HM, xã TH sinh sống. Từ đó cho đến nay hai vợ chồng sống ly thân, tình cảm cả hai không còn. Nay bà T thấy hôn nhân không đạt được kết quả vì vậy bà làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong giải quyết cho bà những việc sau đây:

Về tình cảm: Bà Lê Thị T xin ly hôn ông Phan Văn H.

Về con chung: Quá trình hôn nhân, vợ chồng có 01 con chung là cháu Phan Lê V, sinh ngày 05/7/2015. Khi ly hôn, bà Lê Thị T có nguyện vọng giao cháu V cho ông Phan Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và bà T không cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn, ông Phan Văn H trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông H đều vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Để có cơ sở hợp pháp giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng việc lấy lời khai của bố đẻ ông H. Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/3/2023 bố đẻ ông H là ông Phan Văn H có ý kiến như sau: Năm 2015 bà Lê Thị T và ông Phan Văn H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Triệu , huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn vợ chồng bà T, ông H sống cùng bố, mẹ tại thôn HM, xã TH, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Hai vợ chồng sống với nhau tương đối hạnh phúc cho đến đầu tháng 9/2022 bà T xảy ra mâu thuẫn, cãi vã với mẹ chồng, sau đó bà T bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ đó cho đến nay. Kể từ đó vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau, tình cảm cũng chấm dứt. Ông H đề nghị Tòa án giải quyết cho ông H và bà T ly hôn.

Về con chung: Ông H cho biết, quá trình chung sống ông H và bà T có 01 con chung là cháu Phan Lê V sinh ngày 05/7/2015 hiện tại cháu V đang sinh sống và học tập ổn định ở nhà ông Phan Đăng D (anh trai H) tại huyện DL, tỉnh Lâm Đồng. Nguyên vọng của ông H là được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu bà T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án có tổng đạt các văn bản tố tụng gia đình ông H đều nhận được sau đó thông báo lại cho ông H, ông H đã biết việc Tòa án đang giải quyết ly hôn nhưng ông H đang đi làm ăn xa nên không có ý kiến gì. Ông H vẫn thường xuyên về thăm nhà và có gọi điện về nhà cho bố, mẹ ông.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì.

Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, xử cho bà Lê Thị T được ly hôn với ông Phan Văn H. Về con chung: Giao cho ông Phan Văn H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Lê V, sinh ngày 05/7/2015. Ông H không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Bà Lê Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phan Văn H được Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong thụ lý giải quyết theo thủ tục hòa giải viên. Quá trình hòa giải, đối thoại tại Tòa án không thành do phía bị đơn vắng mặt sau 02 lần được thông báo hợp lệ về việc hòa giải, đối thoại. Vì vậy hòa giải viên đã căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án để lập biên bản chấm dứt hòa giải vào ngày 09/12/2022 và chuyển đơn, tài liệu kèm theo cho Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thụ lý vụ án theo thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự, căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 03/9/2022 của bà Lê Thị T xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông H đều vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1 vào ngày 18/01/2023 và lần 2 vào ngày 16/02/2023. Ngoài ra ông H còn vắng mặt không lý do trong phiên tòa xét xử sơ thẩm ngày 17/4/2023. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Phan Văn H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Văn H và bà Lê Thị T yêu nhau, tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã TH, huyện Triệu Phong vào năm 2015. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Sau khi kết hôn ông H và bà T chung sống hòa thuận hạnh phúc một thời gian, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi vã, lời qua tiếng lại với nhau nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Đầu tháng 8/2022 bà T xảy ra mâu thuẫn với gia đình, sau đó bỏ về nhà bố mẹ ruột của mình ở cùng thôn HM, xã TH sinh sống, vợ chồng đã chính thức sống ly thân, mỗi người một nơi, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Căn cứ qua kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của ông H và bà T tại UBND xã TH, Hội đồng xét xử thấy phù hợp với lời trình bày của bà T. Qua đó Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ căn cứ khẳng định tình trạng hôn nhân của ông H và bà T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ cho bà T được ly hôn với ông H là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Có 01 con chung là cháu Phan Lê V, sinh ngày 05/7/2015. Sau khi xác minh được biết hiện nay cháu V đang sinh sống và học tập ổn định ở nhà ông Phan Đăng D (anh trai ông H) tại huyện DL, tỉnh Lâm Đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy giao cháu V cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo cho việc học tập của cháu V và cũng phù hợp theo nguyện vọng của cả hai bên đương sự. Ông Phan Văn H không yêu cầu bà Lê Thị T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong đề nghị là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bà Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81, Điều 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị T được ly hôn với ông Phan Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Phan Lê V, sinh ngày 05/7/2015 cho ông Phan Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Phan Văn H không yêu cầu bà Lê Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số CC/2021/0000316 ngày 13 tháng 12 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong (bà Lê Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Bà Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Phan Văn H vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng trị xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh, VKS tỉnh Quảng Trị;
- VKS, CA huyện Triệu Phong;
- Chi cục THADS h. Triệu Phong;
- Các đương sự;
- UBND xã Triệu Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Đăng Khoa